

FCN: Fecon dự kiến phát hành 120 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 6

CTCP FECON (Mã: FCN | Sàn: HSX)

1. Kế hoạch phát hành trái phiếu

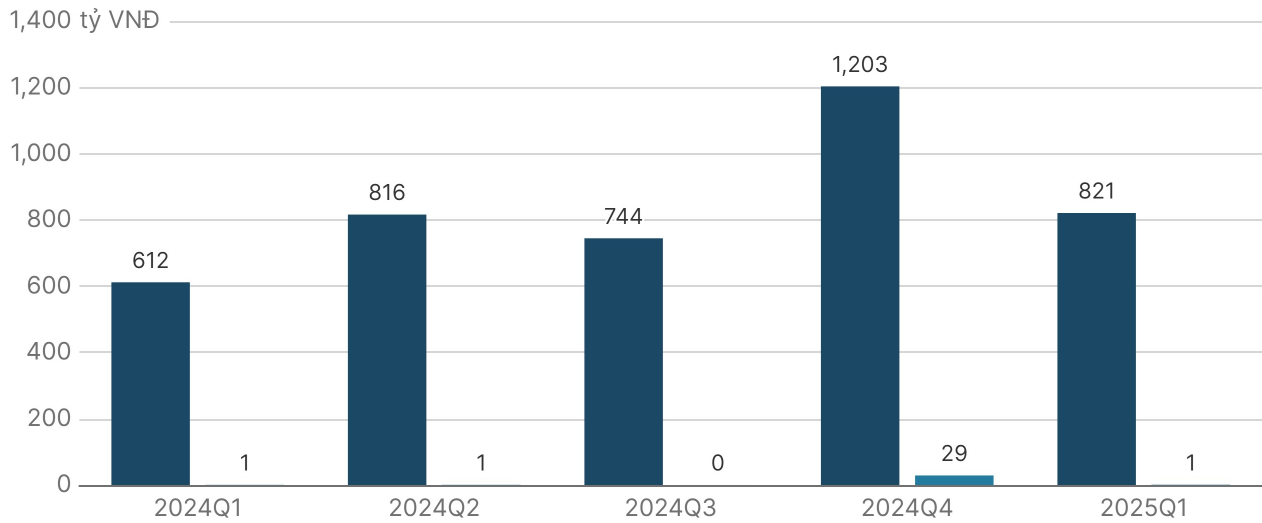
- Giá trị phát hành: 120 tỷ đồng.
- Loại trái phiếu: Riêng lẻ, mã **FCN12501**.
- Số lượng phát hành: 1.200 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu.
- Ngày phát hành dự kiến: 10/6/2025.
- Kỳ hạn: 18 tháng (đáo hạn ngày 10/12/2026).
- Tài sản bảo đảm:
 - Cổ phần thuộc sở hữu của:
 - Công ty mẹ (Fecon)
 - Chủ tịch Phạm Việt Khoa
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Fecon (công ty con)
 - Tỷ lệ bảo đảm ban đầu: 210%

2. Kết quả kinh doanh quý I/2025

Fecon ghi nhận mức tăng trưởng tích cực về doanh thu và lợi nhuận gộp, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ vẫn âm.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Q1/2025	So với Q1/2024
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	821	+34%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	131	+35%
Lãi ròng	Tỷ đồng	1.05	+56%
LNST thuộc cổ đông công ty mẹ	Tỷ đồng	-6.6	+ 9.59%

Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế (FCN)



Nguồn, tổng hợp: BCTC FCN, fireant.vn.

3. Tình hình tài chính tại ngày 31/3/2025

Tổng tài sản và nợ phải trả của Fecon tăng nhẹ so với đầu năm. Tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản là các khoản phải thu ngắn hạn.

Khoản mục	Đơn vị	Q1/2025	Ghi chú
Tổng tài sản	Tỷ đồng	9,904.5	+2% so với đầu năm
- Phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	4,056	41% tổng tài sản
- Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1,900.1	19.2% tổng tài sản
- Tài sản dở dang dài hạn	Tỷ đồng	1,231.8	12.4% tổng tài sản
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	6,546.7	+3.3% so với đầu năm
- Vay và nợ thuê tài chính	Tỷ đồng	4,020.5	~61.4% tổng nợ
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	6,546.7	+3.3% so với đầu năm
- Vay và nợ thuê tài chính	Tỷ đồng	4,020.5	~61.4% tổng nợ

Cơ cấu Tài sản

Tài sản (FCN) (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	5,557	5,063	5,235	6,137	6,370
1. Tiền và TĐ tiền	358	312	175	702	473
2. Đầu tư TC ngắn hạn	35	49	29	25	28
3. Phải thu ngắn hạn	3,969	2,821	3,230	3,632	4,077
4. Hàng tồn kho	1,028	1,662	1,669	1,681	1,683
5. Tài sản ngắn hạn khác	166	218	133	97	109
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1,245	2,458	2,372	2,466	3,362
1. Phải thu dài hạn	70	57	127	120	121
2. Đầu tư tài chính dài hạn	305	292	222	414	453
3. Tài sản cố định	673	1,886	1,797	1,716	1,582
4. Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
5. Tài sản dở dang dài hạn	46	27	37	55	1,032
6. TSDH khác	128	170	163	139	149
TỔNG TÀI SẢN	6,780	7,496	7,581	8,581	9,706

Nguồn, tổng hợp: BCTC FCN, fireant.vn.

Cơ cấu Nguồn vốn

Nguồn vốn (FCN) (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	4,277	4,567	4,098	5,220	6,338
1. Nợ ngắn hạn	3,952	3,505	3,214	4,479	4,897
- Nợ vay ngắn hạn	1,220	1,332	1,767	2,067	2,381
- Phải trả người bán ngắn hạn	1,039	1,049	710	874	809
2. Nợ dài hạn	381	1,201	946	901	1,529
- Nợ vay dài hạn	375	1,141	941	879	1,511
- Phải trả người bán dài hạn	22	25	27	39	40
- Trái phiếu chuyển đổi	0	0	0	0	0
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	2,503	2,929	3,483	3,362	3,368
Vốn chủ sở hữu	2,503	2,929	3,483	3,362	3,368
- Vốn góp của chủ sở hữu	1,254	1,574	1,574	1,574	1,574
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	212	218	207	51	57
+ Lợi nhuận giữ lại kỳ này	171	128	94	15	47
TỔNG NGUỒN VỐN	6,780	7,496	7,581	8,581	9,706

Nguồn, tổng hợp: BCTC FCN, fireant.vn.